

Nhân học pháp luật: tiếp cận từ văn hóa và quyền lực trong nghiên cứu pháp lý ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Thế Phúc*

Nhận ngày 16 tháng 6 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 9 năm 2025.

Tóm tắt: Tiếp cận nhân học pháp luật từ sự tích hợp giữa nhân học văn hóa và nhân học chính trị, hình thành như một hướng tiếp cận liên ngành nhằm giải mã pháp luật như một hiện tượng xã hội - văn hóa mang tính quyền lực và biểu tượng. Bài viết này phân tích vai trò của nhân học pháp luật trong việc tiếp cận pháp luật như một thực hành xã hội sinh động, phản ánh sự tương tác giữa thiết chế quyền lực, giá trị văn hóa và thực tiễn cộng đồng. Thông qua cách tiếp cận này, làm rõ giá trị của nhân học pháp luật trong bối cảnh văn hóa - xã hội cụ thể của một quốc gia. Dựa vào hệ thống lý thuyết mà các học giả phương Tây đưa ra đã cho thấy, pháp luật không chỉ là hệ thống quy phạm khô cứng, mà là sản phẩm của quá trình tương tác giữa quyền lực, văn hóa và đời sống cộng đồng. Trên cơ sở đó, chúng tôi xác lập một hướng nghiên cứu độc lập cho nhân học pháp luật Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Nhân học pháp luật, văn hóa, quyền lực, đương đại.

Loại ngành: Triết học

Abstract: Approaching legal anthropology through the integration of cultural anthropology and political anthropology, this interdisciplinary approach aims to decipher law as a socio-cultural phenomenon possessing both power and symbolism. This paper analyzes the role of legal anthropology in approaching law as a dynamic social practice, reflecting the interaction between power institutions, cultural values, and community practice. Through this approach, it clarifies the value of legal anthropology within the specific socio-cultural context of a nation. Based on the theoretical framework proposed by Western scholars, it is shown that law is not merely a rigid system of norms, but a product of the interaction between power, culture, and community life. On this basis, we establish an independent research direction for legal anthropology in Vietnam today.

Keywords: Legal anthropology, culture, power, contemporary.

Subject classification: Philosophy

1. Đặt vấn đề

Trong những thập kỷ gần đây, sự phát triển của các tiếp cận liên ngành trong khoa học xã hội đã mở đường cho sự hình thành và khẳng định vị thế của các khoa học nói chung trong đó có nhân học pháp luật, một lĩnh vực nghiên cứu coi pháp luật không chỉ là hệ thống quy phạm mang tính cưỡng chế, mà còn là sản phẩm văn hóa - xã hội, nơi quyền lực được biểu tượng hóa và tái cấu trúc qua tương tác cộng đồng. Bài viết này vận dụng lý thuyết của các học giả phương Tây đương đại về quyền lực chính trị, về đoàn kết xã hội và về “luật trong hành động” để phân tích pháp luật như một hiện tượng sống động, có tính linh hoạt và gắn với ngữ cảnh. Trên nền tảng nhân học văn hóa và nhân học chính trị, tác giả đề xuất khung lý thuyết nhân học pháp luật nhằm tiếp cận pháp luật từ các chiều cạnh văn hóa, nghi lễ, diễn ngôn và thực hành cộng đồng. Trên cơ sở đó để đưa ra những gợi mở ứng dụng nhân học pháp luật trong nghiên cứu thực tiễn pháp lý tại Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực như luật tục, quy ước cộng đồng, và sự tương tác giữa nhà nước và xã hội dân sự trong thực thi pháp luật. Nhân học pháp luật không chỉ góp phần làm rõ bản chất xã hội của pháp luật mà còn mở ra những phương pháp nghiên cứu mới mang tính khai phóng và thực tiễn cao trong giai đoạn hiện nay.

* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Email: nguyenthethuc006@gmail.com

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành, kết hợp các phương pháp đặc trưng của nhân học và xã hội học pháp luật nhằm lý giải bản chất xã hội văn hóa của pháp luật trong bối cảnh Việt Nam đương đại. Các phương pháp được vận dụng bao gồm:

2.1. Điền dã nhân học (Ethnography)

Phương pháp điền dã được xem là công cụ nền tảng của nhân học, giúp tiếp cận trực tiếp với thực tiễn pháp lý tại các cộng đồng địa phương. Trong bài viết này, các tư liệu điền dã được tổng hợp từ các nghiên cứu hiện có, các báo cáo khảo sát về luật tục, thực hành hòa giải cơ sở, hoặc niềm tin pháp lý trong dân cư.

Thông qua phương pháp này, bài viết làm nổi bật cách người dân tại các cộng đồng cụ thể (như đồng bào dân tộc thiểu số, cư dân đô thị và nông thôn) tiếp cận và thực thi pháp luật, bao gồm các hiện tượng như: tuân thủ luật tục thay vì luật nhà nước, giải quyết tranh chấp qua trung gian xã hội, hoặc các nghi thức hòa giải cộng đồng mang tính biểu tượng. Phương pháp điền dã cho phép hiểu được “luật trong hành động” và bối cảnh văn hóa - xã hội của các thực hành pháp lý.

2.2. Phân tích diễn ngôn pháp lý (Legal Discourse Analysis)

Phân tích diễn ngôn pháp lý là phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, nhằm tìm hiểu cách thức ngôn ngữ pháp luật tạo lập, duy trì hoặc che đậy quyền lực trong xã hội. Bài viết vận dụng phương pháp này để khảo sát các văn bản pháp lý, lời nói của cán bộ công quyền, thông điệp truyền thông pháp luật, cũng như cách người dân sử dụng ngôn từ khi tham gia vào các tiến trình pháp lý. Thông qua đó, bài viết phân tích sự biểu tượng hóa của luật pháp trong lời nói, cách định nghĩa “cái đúng”, và sự bất cân xứng quyền lực thể hiện qua cách diễn đạt chẳng hạn như hiện tượng “ngôn ngữ quyền năng” và “ngôn ngữ bất lực” hay việc tái định nghĩa luật theo văn hóa bản địa. Phân tích diễn ngôn giúp vạch rõ ranh giới giữa luật như công cụ kỹ trị và luật như sản phẩm biểu tượng mang tính quyền lực.

2.3. Nghiên cứu trường hợp (Case Study)

Phương pháp nghiên cứu trường hợp được sử dụng để đi sâu vào một hoặc một số vụ việc điển hình, qua đó làm nổi bật cách thức luật pháp vận hành trong bối cảnh cụ thể. Trong bài viết này, một số trường hợp tiêu biểu được nêu như: hòa giải tranh chấp đất đai ở nông thôn qua tổ dân phố, xử lý mâu thuẫn gia đình bằng lễ nghi dòng họ, hay thực hành “xin - cho” trong quản lý xây dựng. Những trường hợp này không được lựa chọn ngẫu nhiên, mà có mục đích minh họa cho sự giao thoa giữa pháp luật chính thức và thực tiễn xã hội, giữa lý trí pháp lý và logic văn hóa đạo lý. Thông qua phương pháp này, bài viết không chỉ mô tả hiện tượng mà còn phân tích sâu cơ chế vận hành của luật pháp dưới góc độ xã hội học và nhân học, giúp phản ánh tính lai ghép, phi tuyến và linh hoạt của hệ thống pháp lý Việt Nam.

2.4. Kết hợp phương pháp và giá trị học thuật

Việc phối hợp ba phương pháp trên giúp bài viết vừa có chiều sâu định tính, vừa phản ánh được thực tiễn sinh động và tính biểu tượng của luật pháp trong đời sống xã hội. Đây cũng là minh chứng cho sức mạnh phân tích của nhân học pháp luật là một hướng nghiên cứu đang mở ra nhiều triển vọng trong lĩnh vực khoa học xã hội và pháp lý tại Việt Nam.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Nhân học pháp luật - khái niệm và sự hình thành

3.1.1. Sự hình thành của nhân học pháp luật: Từ tiếp cận dân tộc học đến khái niệm quyền lực và luật lệ

Nhân học pháp luật (legal anthropology) là một phân ngành của nhân học ứng dụng hình thành trong thế kỷ XX, khi các nhà nghiên cứu nhận thấy sự bất cập của các mô hình lý thuyết pháp lý thuần túy trong việc giải thích tính đa dạng và phức hợp của các hệ thống luật pháp trên thế giới. Sự phát triển của nhân học pháp luật là kết quả của một tiến trình lịch sử và lý luận, bắt đầu từ những khảo sát dân tộc học cổ điển về luật tục trong các xã hội phi phương Tây, tiến tới việc xây dựng một trường nghiên cứu độc lập phân tích pháp luật như một hiện tượng văn hóa - xã hội mang tính quyền lực, biểu tượng và thực hành.

Ngay từ cuối thế kỷ XIX, một số nhà nhân học như Bronisław Malinowski (1884-1942) trong các nghiên cứu ở quần đảo Trobriand (Melanesia) đã đặt ra câu hỏi về cách cộng đồng phi nhà nước thực hiện quy tắc, giải quyết xung đột và duy trì trật tự xã hội mà không cần đến bộ máy cưỡng chế nhà nước. Trong tác phẩm *Crime and Custom in Savage Society* (1926), Malinowski chứng minh rằng, các quy tắc ứng xử của người bản địa có giá trị điều tiết tương tự như luật pháp chính thức, dù không được “mã hóa” theo kiểu phương Tây. Phát hiện này tạo nền móng cho quan niệm rằng luật không chỉ hiện diện trong văn bản pháp lý mà còn là một phần của thực hành văn hóa, nghi lễ và quan hệ xã hội.

Vào khoảng những thập niên 1950-1970, với sự phát triển của lý thuyết chức năng xã hội và tương đối luận văn hóa đã thúc đẩy việc phân tích các hình thức pháp luật khác như luật tục, quy ước cộng đồng, thiết chế giải quyết tranh chấp trong các xã hội phi nhà nước. Nhà nhân học Leopold Pospíšil¹ (1923-2021) là một trong những học giả đầu tiên định danh “nhân chủng học pháp luật” (anthropology of law) như một ngành nghiên cứu độc lập. Trong tác phẩm *Anthropology of Law* (1971), ông lập luận rằng, bất kỳ hệ thống xã hội nào có tổ chức đều sẽ phát sinh các quy tắc được thực thi bằng quyền lực và chế tài và đó chính là luật, bất kể nó có phải là “luật nhà nước” hay không. Pospíšil cũng đề xuất bốn yếu tố cấu thành của một hệ thống pháp luật: “quyền lực (authority), tính phổ quát (universality), tính ràng buộc (obligation), và cơ chế chế tài (sanction), từ đó phân biệt giữa luật pháp với các quy tắc đạo đức hay tôn giáo” (Pospíšil, 1971).

Giai đoạn phát triển thứ hai của nhân học pháp luật diễn ra vào thập niên 1970, 1980 gắn với các nhà lý thuyết như Sally Falk Moore (sinh năm 1924) và Laura Nader² (sinh năm 1930), những người đã mở rộng khái niệm pháp luật sang các lĩnh vực diễn ngôn, thực hành và cấu trúc quyền lực. Trong công trình *Law as Process* (1978), Moore đưa ra khái niệm “trường xã hội bán tự trị” (semi-autonomous social fields), theo đó các nhóm xã hội như làng xã, dòng họ hay cộng đồng nghề nghiệp có thể sản sinh và thực thi quy tắc ứng xử mang tính pháp lý mà không cần đến nhà nước. Điều này cho thấy “pháp luật không phải là một trật tự áp đặt từ trên xuống, mà là sản phẩm tương tác của các thực thể quyền lực khác nhau trong xã hội” (Moore, 1978).

Cùng thời điểm đó, Laura Nader đã nhấn mạnh đến vai trò của nghiên cứu “từ trên xuống” (studying up) trong nhân học pháp luật. Thay vì chỉ tập trung vào cộng đồng bản địa hay xã hội phi chính thức, bà cho rằng “cần phân tích cả thiết chế quyền lực như tòa án, tập đoàn, cơ quan chính quyền là nơi sản sinh các quy tắc luật hóa có ảnh hưởng đến toàn xã hội” (Nader, 1969). Đề nghị này giúp nhân học pháp luật vượt qua giới hạn của một ngành dân tộc học truyền thống, trở thành lĩnh vực nghiên cứu phức tạp về cách luật được tạo ra, diễn giải và thực thi trong không gian xã hội chính trị rộng lớn hơn.

Sự hình thành và phát triển của nhân học pháp luật vì thế không chỉ là kết quả của sự tiếp biến lý thuyết từ nhân học văn hóa và xã hội học pháp luật, mà còn là một phản ứng học thuật đối với thực trạng “tân thuộc địa hóa pháp lý”, khi hệ thống pháp luật phương Tây được áp đặt một cách máy móc lên các xã hội bản địa mà không tính đến cấu trúc văn hóa - xã hội đặc thù

¹ Người Mỹ gốc Séc, Giáo sư Nhân học Luật, Đại học Yale.

² Giáo sư nhân học tại Đại học California, Berkeley.

của họ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và di cư, nhân học pháp luật tiếp tục phát triển mạnh mẽ như một công cụ phân tích sự tương tác giữa luật định chính thức với luật phi chính thức, giữa nhà nước và cộng đồng, giữa quyền lực thể chế và sức mạnh của diễn ngôn văn hóa.

3.1.2. Định nghĩa nhân học pháp luật

Mặc dù thuật ngữ nhân học pháp luật được đề cập đến từ rất sớm, nhưng cho đến nay vẫn còn đa chiều về cách nhìn nhận và tiếp cận khái niệm, làm cho khoảng cách nhận thức về ngoại diên của khái niệm càng rộng. Để góp phần thu hẹp sự khác biệt về khái niệm, cần phân tích một số định nghĩa tiêu biểu. Theo Leopold Pospíšil quan niệm “Pháp luật là một hệ thống quy tắc có hiệu lực cưỡng chế, được thực thi bởi các thiết chế có thẩm quyền trong một cộng đồng xã hội cụ thể; và nhiệm vụ của nhân học pháp luật là nghiên cứu các hệ thống đó trong toàn bộ sự đa dạng của chúng” (Pospíšil, 1971: 40). Mặc dù ông không đề cập trực tiếp đến thuật ngữ nhân học pháp luật, nhưng quan niệm về pháp luật như vậy đã gián tiếp phản ánh được nội hàm của nhân học pháp luật. Ở một góc nhìn khác, trong tác phẩm *Anthropology of Law: A Comparative, Theory* Pospíšil lập luận rằng, mọi xã hội đều có pháp luật, dù tồn tại dưới dạng luật thành văn hay luật tục. Từ đó, ông chỉ rõ bốn yếu tố cấu thành hệ thống pháp luật: quyền lực, tính phổ quát, nghĩa vụ, và cơ chế chế tài. Lập luận này đã giúp chúng ta phân biệt pháp luật với phong tục và đạo đức.

Đề cập trực tiếp đến khái niệm nhân học pháp luật, Laura Nader khẳng định: “Nhân học pháp luật là lĩnh vực nghiên cứu cách thức pháp luật vận hành như một phần của đời sống văn hóa từ các quy tắc truyền thống cho đến luật chính thức nhằm tìm hiểu mối quan hệ giữa quyền lực và trật tự xã hội” (Nader, 1969: 12). Từ đó, Nader kêu gọi nhân học không chỉ quan sát “những người bị trị” mà còn phải “nghiên cứu từ trên xuống”, tức là khảo sát các tổ chức quyền lực như tòa án, nhà nước, tập đoàn để hiểu cách luật pháp được sử dụng như công cụ kiểm soát, chính danh hóa, và đôi khi là đàn áp. Mặc dù xuất phát từ các bối cảnh và góc tiếp cận khác nhau; tuy nhiên, nhìn chung các định nghĩa trên đều thống nhất ở điểm: Pháp luật không chỉ là hệ thống quy tắc được nhà nước ban hành, mà là một quá trình xã hội - văn hóa, gắn với quyền lực, biểu tượng và thực hành cộng đồng. Nhân học pháp luật là ngành giúp giải mã pháp luật như một hiện tượng sống động, phi tuyến tính và đa dạng về hình thái. Nhìn chung, các học giả phương Tây đều xem nhân học pháp luật là một phân ngành của nhân học văn hóa - xã hội chuyên nghiên cứu pháp luật như một hiện tượng văn hóa, xã hội và chính trị được kiến tạo và tái cấu trúc thông qua thực hành, biểu tượng, diễn ngôn và quan hệ quyền lực trong các cộng đồng người. Nhân học pháp luật không chỉ quan tâm đến các quy phạm pháp lý chính thức được nhà nước ban hành, mà còn khảo sát cách thức các nhóm xã hội tạo lập, diễn giải và thực thi quy tắc cư xử mang tính pháp lý trong các bối cảnh văn hóa cụ thể.

Các cách nhìn nhận nhân học pháp luật như vậy, không chỉ mở rộng biên giới khái niệm về pháp luật, mà còn cung cấp một khung phân tích liên ngành, nhân văn và phê phán, góp phần làm rõ vai trò của văn hóa và quyền lực trong kiến tạo trật tự pháp lý. Trong bối cảnh đa dạng văn hóa, toàn cầu hóa và chuyên dịch xã hội ngày nay, nhân học pháp luật là công cụ không thể thiếu để hiểu luật pháp như một hệ thống sống động, gắn với con người, cộng đồng và lịch sử.

Trên cơ sở đó, chúng tôi đi đến định nghĩa nhân học pháp luật như sau: *Nhân học pháp luật là lĩnh vực nghiên cứu mối quan hệ giữa pháp luật, văn hóa và quyền lực. Khác với luật học truyền thống coi pháp luật như hệ thống các chuẩn mực mang tính bắt buộc, nhân học pháp luật coi pháp luật là sản phẩm của quá trình lịch sử, tương tác văn hóa và thực hành chính trị. Pháp luật được nhìn nhận không chỉ là “cái đúng”, mà còn là “cái được công nhận là đúng” trong một ngữ cảnh xã hội cụ thể.*

Định nghĩa trên chúng tôi muốn nhấn mạnh bản chất liên ngành của ba yếu tố: Pháp luật, Văn hóa và Quyền lực. Định nghĩa mở đầu bằng cách xác lập phạm vi nghiên cứu của nhân

học pháp luật là mối quan hệ ba chiều giữa pháp luật, văn hóa và quyền lực. Đây là sự mở rộng vượt ra khỏi cách hiểu pháp luật như một hệ thống chuẩn tắc pháp lý thuần túy. Nhân học pháp luật tiếp cận pháp luật như một hiện tượng văn hóa (culture), một cấu trúc quyền lực (power structure), và một biểu hiện chính trị (political practice), điều mà các nhà luật học thường không xem là trung tâm nghiên cứu. Năm 1978, Theo Sally Falk Moore cho rằng, pháp luật tồn tại không chỉ trong văn bản pháp lý mà còn trong các “trường xã hội bán tự trị” (semi-autonomous social fields) nơi văn hóa địa phương và quan hệ quyền lực cùng nhau kiến tạo nên các chuẩn mực điều chỉnh hành vi.

3.2. Cơ sở lý thuyết của giao thoa giữa nhân học chính trị và nhân học văn hóa

3.2.1. Quyền lực và tính biểu tượng trong pháp luật

Nhân học pháp luật, xét về bản chất lý thuyết, là kết quả của sự giao thoa sâu sắc giữa nhân học chính trị, ngành nghiên cứu các thiết chế quyền lực và cấu trúc cai trị và nhân học văn hóa, ngành đi sâu vào phân tích ý nghĩa, biểu tượng và thực hành của con người trong bối cảnh xã hội đặc thù. Chính từ sự kết hợp này, nhân học pháp luật phát triển thành một trường nghiên cứu phức hợp, trong đó pháp luật không chỉ được coi là công cụ cưỡng chế, mà còn là một thiết chế biểu tượng phản ánh, định hình và tái sản xuất quyền lực trong xã hội.

Một trong những luận điểm cốt lõi của nhân học chính trị là quan niệm rằng, quyền lực không bao giờ hiện hữu như một thực thể trần trụi, mà luôn được biểu tượng hóa, nghi thức hóa và hợp thức hóa thông qua các hình thức diễn ngôn, biểu tượng và thực hành cộng đồng. Theo Georges Balandier, quyền lực là “một thực tại có tính biểu tượng cao độ, luôn cần một hệ thống nghi lễ và các phương tiện truyền thông xã hội để tái khẳng định chính mình” (Balandier, 1970: 40). Trong bối cảnh đó, pháp luật không chỉ là hệ thống quy phạm điều chỉnh hành vi, mà là kênh biểu đạt của quyền lực, nơi quyền lực được hợp pháp hóa thông qua quy tắc, nghi lễ xét xử, bản án, và thậm chí là ngôn ngữ pháp lý.

Từ góc nhìn nhân học văn hóa, pháp luật được tiếp cận như một hệ thống ký hiệu và thực hành. Tính biểu tượng trong pháp luật thể hiện rõ ở việc mỗi xã hội đều tạo ra một “ngữ pháp pháp lý” riêng biệt, nơi luật lệ không chỉ quy định hành vi, mà còn thể hiện hệ giá trị, chuẩn mực, niềm tin và quan niệm về công lý của cộng đồng đó. Chẳng hạn, trong các cộng đồng bản địa ở Tây Nguyên, hình thức xử phạt không tách rời nghi lễ truyền thống như cúng giàng, lễ xin lỗi cộng đồng hay hình thức “hòa giải vòng tròn”, phản ánh sự kết hợp giữa pháp luật, đạo đức, tín ngưỡng và sự chữa lành tập thể. Đây là những biểu hiện cụ thể của quyền lực pháp lý dưới hình thức văn hóa bản địa.

Lý thuyết của Clifford Geertz (1926-2006), nhà nhân học văn hóa nổi tiếng, càng củng cố lập luận này khi ông cho rằng pháp luật là “một hệ thống biểu tượng dày đặc” (Geertz, 1983: 184), nơi mà việc xét xử không chỉ mang chức năng xử phạt, mà còn là một nghi lễ tái khẳng định trật tự xã hội. Tòa án, theo Geertz không chỉ là nơi áp dụng luật, mà là sân khấu nơi các giá trị của cộng đồng được tái hiện và diễn giải trước công chúng như một hình thức biểu tượng hóa quyền lực nhà nước và công lý.

Trong các xã hội hiện đại, tính biểu tượng của pháp luật càng trở nên rõ nét thông qua các biểu tượng như quốc huy trên bản án, trang phục thẩm phán, ngôn ngữ nghị trường, hay nghi lễ tuyên thệ trước khi nhận chức. Những hình thức này không mang tính kỹ thuật thuần túy, mà là những biểu hiện của quyền lực nhà nước được hợp pháp hóa qua biểu tượng. Như vậy, nhân học pháp luật không chỉ giúp làm rõ cấu trúc cưỡng chế của pháp luật, mà còn giúp ta hiểu cách pháp luật được tưởng tượng, được hợp thức hóa và được thực hành như một phần trong đời sống văn hóa và chính trị hàng ngày.

Tính biểu tượng của pháp luật cũng có vai trò trong việc chính trị hóa công lý và phân tầng quyền lực xã hội. Ở những xã hội hậu thuộc địa, pháp luật vốn du nhập từ các mô hình

phương Tây và thường được khoác lên “chiếc áo” văn hóa bản địa để tạo ra sự chính danh giả tạo. Hai tác giả J. Comaroff & L. Comaroff trong công trình *Luật pháp và sự hỗn loạn trong thời kỳ hậu thuộc địa (Law and Disorder in the Postcolony)* (2006) đã cho thấy cách pháp luật trở thành công cụ diễn ngôn cho nhà nước kiểm soát trật tự xã hội, đồng thời là không gian phản kháng biểu tượng của người bị trị. Do đó, việc hiểu pháp luật như một hiện tượng vừa mang tính quyền lực, vừa mang tính biểu tượng văn hóa, giúp nhân học pháp luật vượt ra khỏi ranh giới của pháp điển học và tiến vào những chiều sâu của ý thức hệ, bản sắc và khung nghĩa xã hội. Pháp luật không chỉ “được viết ra”, mà còn “được sống”, “được diễn” và “được tin”, trong một không gian xã hội cụ thể.

3.2.2. *Pháp luật như một thực hành văn hóa - xã hội*

Việc xem pháp luật như một thực hành văn hóa - xã hội, tức là xem pháp luật không chỉ là những quy tắc trừu tượng, mà là cách con người sống, cảm nhận, thực thi, mặc cả và tái tạo các quy tắc pháp lý trong môi trường xã hội cụ thể. Tiếp cận này kế thừa tinh thần của nhân học thực hành (practice theory), tiêu biểu qua công trình của Pierre Bourdieu (1930-2002), ông cho rằng “mọi thiết chế xã hội, trong đó có pháp luật, đều được vận hành thông qua *tập quán nội tại* (habitus), và các thực hành lặp đi lặp lại của con người đóng vai trò tái cấu trúc chính các thiết chế đó” (Bourdieu, 1977). Trong trường hợp này, các hành vi pháp lý như kiện tụng, hòa giải, ký kết hợp đồng, thậm chí cả né tránh luật, đều là các thực hành pháp luật phản ánh mối quan hệ giữa con người với trật tự xã hội chứ không đơn thuần là “thi hành quy phạm”.

Sally Falk Moore (1924-2021) đã đưa ra khái niệm mang tính đột phá là “trường xã hội bán tự trị” (semi-autonomous social fields) để mô tả các không gian xã hội (như dòng họ, làng xã, công đoàn, tôn giáo) nơi “các quy tắc cư xử tương đương pháp luật được hình thành, thực thi và thương lượng một cách độc lập tương đối với luật nhà nước” (Moore, 1978). Các thực hành pháp lý diễn ra tại đây thường lồng ghép chặt chẽ với văn hóa, nghi lễ, tín ngưỡng, và quan hệ thân tộc điều cho thấy rằng không thể tách pháp luật khỏi bối cảnh xã hội - văn hóa.

Ở nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam, việc giải quyết tranh chấp không dựa trên bộ luật dân sự hiện hành mà thông qua các hình thức hòa giải cộng đồng, luật tục và lễ nghi truyền thống. Chẳng hạn, trong văn hóa của người Mường hoặc người Ê Đê, khi xảy ra tranh chấp đất đai hoặc xâm phạm danh dự, già làng sẽ là người đứng ra chủ trì buổi hòa giải với sự tham dự của các thành viên cộng đồng. Quyết định của già làng tuy không mang tính pháp lý theo luật nhà nước hiện hành nhưng lại có sức nặng về mặt đạo đức và xã hội, và được cộng đồng thực thi nghiêm túc. Đó là một biểu hiện cụ thể của pháp luật như một thực hành văn hóa - xã hội. Ngoài ra, khái niệm pháp luật như thực hành văn hóa cũng bao gồm việc diễn ngôn hóa luật pháp trong đời sống thường nhật, như cách người dân lý giải “cái đúng - cái sai” qua lăng kính đạo đức truyền thống, tôn giáo, hoặc niềm tin bản địa. Những “toà án xã hội” (social judgments) này thường không được thể chế hóa nhưng lại có tác động mạnh mẽ tới hành vi và danh dự của người vi phạm. Điều đó cho thấy rằng, luật pháp không chỉ hiện diện trong công sở, mà còn được sống và tái tạo hàng ngày qua thực hành xã hội.

Một đóng góp nổi bật khác là của Laura Nader, đã nhấn mạnh việc cần “nghiên cứu từ trên xuống” (studying up), tức là nghiên cứu cách các tổ chức quyền lực (tòa án, doanh nghiệp, chính phủ) tạo ra luật và áp đặt luật lên xã hội thông qua các thực hành cụ thể. Bà cho rằng: “chỉ khi hiểu được cách pháp luật được vận hành trong thực tiễn, ta mới hiểu rõ bản chất xã hội chính trị của nó” (Nader, 1969). Do đó, pháp luật trong lăng kính nhân học không còn là một trật tự bất biến mà là một hệ thống sống động, luôn được thương lượng, điều chỉnh và định hình thông qua các hành vi, ý thức và thực tiễn cụ thể của con người trong xã hội. Chính trong quá trình “thực hành pháp lý” ấy mà luật pháp có thể vừa là công cụ kiểm soát, vừa là phương tiện phản kháng, vừa là không gian biểu đạt bản sắc văn hóa.

3.2.3. Văn hóa pháp lý - Một trường biểu hiện của đoàn kết xã hội

Trong bối cảnh lý luận của nhân học pháp luật, khái niệm văn hóa pháp lý (legal culture) đóng vai trò then chốt trong việc giải thích mối liên hệ giữa pháp luật và đời sống xã hội. Không giống như pháp luật với tư cách là hệ thống các quy tắc chính thức được thiết lập và thực thi bởi nhà nước, văn hóa pháp lý phản ánh cách mà con người trong một cộng đồng hiểu, tiếp cận, nội tâm hóa và thực hành luật pháp trong môi trường xã hội cụ thể. Văn hóa pháp lý vì thế không chỉ là “vỏ bọc tinh thần” của hệ thống pháp luật, mà còn là trường biểu hiện sống động của đoàn kết xã hội, nơi các chuẩn mực pháp lý được cộng đồng chia sẻ, gìn giữ và tái tạo như một phần của đời sống tập thể. Theo định nghĩa của Friedman (1975), “văn hóa pháp lý là “tổng thể các thái độ, giá trị, quan niệm và kỳ vọng mà con người có về luật pháp và hệ thống pháp lý”” (Friedman, 1975: 15). Từ góc nhìn nhân học, văn hóa pháp lý không chỉ giới hạn ở sự hiểu biết về luật, mà mở rộng ra thành một hệ thống biểu tượng gắn liền với các yếu tố như đạo đức truyền thống, lễ nghi cộng đồng, tín ngưỡng dân gian và mô hình tổ chức xã hội.

Sự hình thành và duy trì văn hóa pháp lý có liên hệ chặt chẽ với khái niệm đoàn kết xã hội (solidarité sociale) mà Émile Durkheim từng đề xuất. Trong các xã hội truyền thống, đoàn kết cơ học dựa trên sự tương đồng về tín ngưỡng, tập quán, nghề nghiệp đã tạo nên một hệ quy chiếu chung cho hành vi đúng/sai, hợp pháp/phi pháp, qua đó luật pháp trở thành biểu hiện tập trung của đạo lý cộng đồng. Ở đây, luật không chỉ là công cụ cưỡng chế, mà là biểu tượng gắn kết và tái khẳng định bản sắc chung của cộng đồng. Các hình thức luật tục, lễ hòa giải, thề nguyện hay hình phạt mang tính nghi lễ mà tất cả đều là phương tiện để củng cố đoàn kết xã hội thông qua văn hóa pháp lý.

3.3. Thực tiễn văn hóa pháp lý tại Việt Nam: Từ luật tục đến pháp quyền hiện đại

Sự phát triển của văn hóa pháp lý tại Việt Nam là một tiến trình lịch sử lâu dài và phức tạp, phản ánh quá trình giao thoa giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa pháp lý bản địa và luật pháp quốc gia. Trong tiến trình đó, có thể nhận thấy một sự dịch chuyển từ luật tục và lệ làng là sự biểu hiện rõ nét của văn hóa pháp lý cộng đồng sang mô hình pháp quyền hiện đại, dựa trên luật thành văn và thiết chế nhà nước. Tuy nhiên, thay vì bị thay thế hoàn toàn, văn hóa pháp lý truyền thống vẫn tiếp tục tồn tại, thích nghi và tái cấu trúc trong lòng pháp luật hiện đại.

3.3.1. Luật tục là nền tảng văn hóa pháp lý truyền thống

Luật tục là hệ thống quy tắc xã hội được hình thành và thực thi thông qua kinh nghiệm, tập quán và sự đồng thuận cộng đồng, chủ yếu tồn tại dưới dạng truyền miệng hoặc văn bản đơn sơ. Trong xã hội Việt Nam truyền thống, nhất là ở vùng nông thôn và vùng dân tộc thiểu số, luật tục giữ vai trò thiết yếu trong việc duy trì trật tự và giải quyết tranh chấp. Những khái niệm như “phép vua thua lệ làng” không chỉ phản ánh xung đột giữa luật chính thức và quy ước cộng đồng, mà còn cho thấy sự ăn sâu của văn hóa pháp lý bản địa vào tâm thức xã hội. Chẳng hạn, ở người Ê Đê tại Tây Nguyên, luật tục được ghi trong sử thi và truyện kể, điều chỉnh các quan hệ như hôn nhân, đất đai, trừng phạt. Hình thức xử lý thường đi kèm nghi lễ như lễ cúng Giàng, lễ xin lỗi cộng đồng cho thấy sự đan xen giữa pháp luật, đạo đức, tôn giáo và trị liệu cộng đồng. Những giá trị như danh dự, sự hòa giải, và phục hồi quan hệ cộng đồng được ưu tiên hơn hình phạt khắc khe. Đây chính là bản sắc của một nền văn hóa pháp lý hướng nội, biểu tượng, và gắn với đạo lý hơn là văn bản cứng nhắc.

3.3.2. Tính liên tục và biến đổi trong văn hóa pháp lý hiện đại

Từ khi Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được xác lập, hệ thống pháp luật quốc gia dần thay thế vai trò điều chỉnh của luật tục. Tuy nhiên, các thực hành pháp lý truyền thống

vẫn tiếp tục tồn tại dưới dạng phi chính thức, đặc biệt trong các vụ tranh chấp dân sự, đất đai, hoặc các quan hệ thân tộc. Ở nhiều địa phương, các tổ hòa giải, tổ dân phố, ban tự quản... vẫn vận hành dựa trên nguyên lý “tình lý song hành”, tức là pháp lý phải hài hòa với đạo lý. Điều đó cho thấy rằng, văn hóa pháp lý hiện đại tại Việt Nam vẫn duy trì sự kế thừa nhất định từ các truyền thống bản địa.

Đặc biệt, mô hình pháp quyền tại Việt Nam không phát triển thuần túy theo hướng phương Tây, mà luôn hàm chứa tính linh hoạt và bao dung với văn hóa pháp lý cộng đồng. Điều này thể hiện ở việc nhà nước khuyến khích hòa giải ngoài tòa án, luật hóa một số tập quán tín ngưỡng (như Luật tín ngưỡng, tôn giáo 2016), và xem trọng “giá trị truyền thống” trong các chiến lược xây dựng nhà nước pháp quyền. Như vậy, quá trình hiện đại hóa pháp lý ở Việt Nam không triệt tiêu luật tục, mà tái định nghĩa và tích hợp các yếu tố truyền thống vào khung pháp lý chính thức, tạo ra một mô hình pháp quyền bản địa hóa.

Tại Việt Nam, nhiều hình thức văn hóa pháp lý truyền thống vẫn tiếp tục phát huy vai trò gắn kết xã hội ở cấp làng xã. Chẳng hạn, các tục lệ “phạt vạ” của người Tày, “xin lỗi trước hội đồng già làng” của người Bahnar hay “thỏa thuận hòa giải” trong cộng đồng người Chăm không chỉ giải quyết tranh chấp, mà còn có chức năng phục hồi trật tự đạo đức, tái lập niềm tin và duy trì sự đoàn kết trong nội bộ cộng đồng. Những thực hành này cho thấy rằng, “văn hóa pháp lý truyền thống không phải là “pháp luật thô sơ”, mà là một hệ thống phức hợp của nghĩa vụ tập thể, biểu tượng cộng đồng và cảm thức về công lý bản địa” (Nguyễn Thị Hồng, 2021).

Trong các xã hội hiện đại, mặc dù luật thành văn và thiết chế pháp lý ngày càng đóng vai trò trung tâm, nhưng văn hóa pháp lý vẫn là nền tảng quan trọng giúp chuyên hóa các quy tắc thành thực hành, tạo điều kiện để pháp luật có tính khả thi và chấp nhận được trong cộng đồng. Khi người dân cảm thấy luật pháp phản ánh giá trị đạo đức chung và được thực thi công bằng, họ sẽ sẵn sàng tuân thủ luật mà không cần đến cưỡng chế từ đó củng cố đoàn kết xã hội trên nền tảng pháp lý.

Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa và đa dạng văn hóa hiện nay, việc xây dựng một văn hóa pháp lý hòa nhập, vừa tôn trọng luật pháp quốc gia vừa kết nối với bản sắc địa phương, là điều kiện cần thiết để giảm xung đột pháp lý, gia tăng mức độ đồng thuận xã hội, và từ đó tái lập đoàn kết xã hội trong điều kiện xã hội phân hóa. Do vậy, tiếp cận văn hóa pháp lý từ góc nhìn nhân học cho thấy rằng: pháp luật không thể tách rời văn hóa, và văn hóa pháp lý là chất keo vô hình gắn kết cộng đồng, tái sản sinh các hình thái đoàn kết từ mức độ gia đình, làng xã cho đến quốc gia.

3.4. Tiếp cận nhân học trong nghiên cứu pháp luật Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh đổi mới tư duy pháp lý và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân ở Việt Nam thì nhu cầu tiếp cận pháp luật không chỉ dưới góc độ pháp điển học mà còn từ góc nhìn xã hội, văn hóa và con người ngày càng trở nên cấp thiết. Tiếp cận nhân học trong nghiên cứu pháp luật tuy còn tương đối mới mẻ nhưng đã mở ra những hướng đi quan trọng giúp nắm được “cơ sở nhân loại của pháp luật” (Võ Khánh Vinh, 2024: 26) và lý giải được bản chất sống động, tương tác và thực hành của pháp luật trong đời sống thường nhật của người Việt. Không dừng lại ở việc phân tích các văn bản quy phạm pháp luật, hướng tiếp cận này đi sâu vào tìm hiểu cách mà pháp luật được kiến tạo, đàm phán, thực thi và nội tâm hóa trong các cộng đồng xã hội cụ thể.

3.4.1. Vì sao cần tiếp cận nhân học trong nghiên cứu pháp luật?

Pháp luật Việt Nam không chỉ là hệ thống quy phạm được ban hành từ trung ương, mà còn là thực tiễn pháp lý mang tính đa tầng, nơi các yếu tố như luật tục, phong tục, mối quan hệ

xã hội, thiết chế địa phương, cảm thức đạo lý và niềm tin tập thể có vai trò điều chỉnh không kém luật thành văn. Những thực hành pháp lý như hòa giải cộng đồng, xử lý tranh chấp đất đai bằng “tình làng nghĩa xóm”, hay việc “xin - cho” trong hành chính công không thể hiểu được nếu chỉ dựa trên logic của hệ thống pháp lý chính thức.

Tiếp cận nhân học giúp mở rộng phạm vi phân tích từ văn bản pháp luật sang “luật trong đời sống”, từ quy phạm sang thực hành, từ lý trí sang biểu tượng, từ khách thể pháp lý sang chủ thể xã hội. Nó trả lời các câu hỏi: Luật vận hành như thế nào trong cộng đồng? Tại sao người dân tuân thủ hoặc không tuân thủ luật pháp? Các giá trị văn hóa nào ảnh hưởng đến hành vi pháp lý? Những câu hỏi này không thể lý giải bằng logic hình thức của luật học, mà cần đến phương pháp thực địa, quan sát, diễn giải và liên ngành đặc trưng của nhân học.

3.4.2. Một số hướng vận dụng nhân học pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Trong thời gian qua, nhiều nghiên cứu xã hội học và nhân học pháp luật đã bắt đầu khai thác chiều sâu văn hóa và xã hội của pháp luật Việt Nam. Có thể điểm qua một số hướng tiếp cận tiêu biểu:

Nghiên cứu luật tục và pháp lý bản địa: Nhiều học giả như Trần Hữu Sơn, Nguyễn Thị Hồng đã khảo sát các bộ luật tục của người Dao, Mường, Ê Đê... để làm rõ cách thức mà cộng đồng dân tộc thiểu số xây dựng và thực thi quy tắc xã hội, phản ánh hệ giá trị riêng biệt về công lý, danh dự và đoàn kết cộng đồng. Nghiên cứu hành vi pháp lý thường nhật: Các khảo sát của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Oxfam, và Viện Khoa học xã hội Việt Nam cho thấy mức độ tiếp cận pháp luật của người dân không chỉ phụ thuộc vào sự hiện diện của luật, mà còn do tâm lý xã hội, kinh nghiệm dân gian, quan hệ thân tộc và niềm tin vào công bằng. Phân tích văn hóa hành chính và thực thi pháp luật: Một số công trình đã cho thấy rằng các “thủ tục mềm”, “luật ngầm”, hay “pháp luật linh hoạt” là những phần không thể tách rời khỏi thực tiễn hành chính công tại Việt Nam. Điều này đặt ra yêu cầu phân tích không chỉ về tính hợp pháp, mà còn về tính hợp lệ xã hội và văn hóa của hành vi pháp lý. Tiếp cận luật và phát triển (law and development), các nghiên cứu về tác động của cải cách luật đất đai, luật doanh nghiệp, hay luật về nhóm người yếu thế (trẻ em, phụ nữ, dân tộc thiểu số) cho thấy rằng sự thành công của một chính sách pháp lý không chỉ phụ thuộc vào kỹ thuật lập pháp, mà còn gắn chặt với văn hóa cộng đồng và cấu trúc quyền lực địa phương.

3.4.3. Triển vọng và thách thức

Tiếp cận nhân học trong nghiên cứu pháp luật Việt Nam còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác. Các trường đại học, viện nghiên cứu và nhà hoạch định chính sách có thể tận dụng phương pháp nhân học để điều tra định tính, giải thích sự lệch pha giữa luật và thực tiễn, và thiết kế các chính sách pháp luật gần dân, dễ hiểu, dễ tuân thủ hơn. Tuy nhiên, tiếp cận này cũng đối mặt với không ít thách thức như sự thiếu hụt đội ngũ chuyên gia liên ngành, hạn chế trong đào tạo nhân học pháp luật, chưa có chương trình giảng dạy chuyên biệt, cũng như thiếu cơ chế kết nối giữa giới học thuật và cơ quan hoạch định chính sách. Ngoài ra, thói quen pháp lý vẫn còn nặng về hình thức và quy phạm, chưa thật sự mở đường cho tư duy phân tích mang tính xã hội và văn hóa.

4. Kết luận

Nhân học pháp luật không đơn thuần là sự mở rộng của luật học hay xã hội học pháp luật, mà là một hướng tiếp cận liên ngành độc lập, mang đến những công cụ lý thuyết và phương pháp phân tích sâu sắc để lý giải pháp luật như một hiện tượng xã hội, văn hóa, chính trị. Thông qua việc làm rõ mối quan hệ giữa quyền lực, biểu tượng và thực hành

pháp lý, nhân học pháp luật giúp chúng ta hiểu rằng, pháp luật không phải là một thực thể khách quan, bất biến, mà là một quá trình kiến tạo mang tính lịch sử, ngữ cảnh và đàm phán. Việc khảo sát các hiện tượng pháp lý tại Việt Nam từ góc nhìn nhân học đã cho thấy vai trò bền vững của văn hóa pháp lý truyền thống, sự vận hành linh hoạt của các thiết chế cộng đồng, cũng như cách thức người dân thực hành pháp luật thông qua thương lượng, hòa giải, và nội tâm hóa luật theo chuẩn mực văn hóa địa phương. Những quan sát này làm nổi bật tính đa dạng, đa tầng và giàu tính biểu tượng của thực tiễn pháp lý Việt Nam vốn không thể bị giản lược hóa vào hệ thống luật thành văn hiện hành.

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thì việc tiếp cận nhân học giúp chúng ta thấy rằng một hệ thống pháp luật hiệu quả không chỉ cần chính xác về kỹ thuật, mà còn phải phù hợp về mặt văn hóa và khả năng chấp nhận xã hội. Nếu bỏ qua những chiều kích này, luật có thể bị “lệch pha” với thực tiễn, tạo ra khoảng cách giữa pháp quyền và dân quyền, giữa quản trị nhà nước và đời sống cộng đồng. Do đó, nhân học pháp luật không chỉ là một phương pháp nghiên cứu học thuật, mà còn là một cách nhìn mới, thiết thực và mang tính khai phóng để góp phần xây dựng hệ thống pháp luật gần dân, dễ hiểu, có tính thực thi cao và phản ánh đúng thực tiễn đời sống xã hội Việt Nam. Triển khai mạnh mẽ hơn các nghiên cứu theo hướng tiếp cận nhân học trong lĩnh vực pháp lý là một trong những con đường khả thi để tăng cường tính chính đáng, tính đồng thuận và hiệu quả của quản trị pháp luật trong thời đại chuyển đổi hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Bourdieu, P. (1977). *Outline of a theory of practice*. Cambridge University Press.
- Comaroff, J., & Comaroff, J. L. (2006). *Law and disorder in the postcolony*. University of Chicago Press.
- Durkheim, E. (1984). *The Division of Labour in Society*. Macmillan.
- Đình Hồng Hải. (2020). Sự hình thành và phát triển của nhân học tôn giáo. *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*. Số 1 (193).
- Friedman, L. M. (1975). *The Legal System: A Social Science Perspective*. New York: Russell Sage Foundation.
- Georges Balander. (2016). *Nhân học chính trị*. Nxb. Tri thức.
- Georges Balandier, G. (1970). *Political Anthropology*. New York: Vintage Books.
- Geertz, C. (1983). *Local Knowledge: Further Essays in Interpretive Anthropology*. New York: Basic Books.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. (2014). *Tài liệu giảng dạy xã hội học pháp luật*. Nxb. Lý luận Chính trị.
- Kalman, K. (1999). *Cơ sở xã hội học pháp luật*. Viện Xã hội học Hungary.
- Moore, S. F. (1978). *Law as Process: An Anthropological Approach*. Routledge & Kegan Paul.
- Nader, L. (1969). *Law in Culture and Society*. University of California Press.
- Nguyễn Thị Hồng. (2021). Nhân học pháp luật và pháp lý bản địa. *Tạp chí Khoa học Xã hội*. Số 5(293).
- Nguyễn Thị Trúc Bạch (dịch). (2016). Nhân học văn hóa: một góc nhìn ứng dụng. *Tạp chí Khoa học xã hội*. Số 3(211).
- Phạm Minh Anh. (2016). Một số quan điểm lý thuyết xã hội học pháp luật và định hướng nghiên cứu ở Việt Nam. *Thông tin Khoa học xã hội*. Số 6.
- Pospíšil, L. (1971). *Anthropology of Law*. Harper & Row.
- UNDP Vietnam. (2020). *Justice Index 2019: People's Perspectives on Law and Justice in Viet Nam*. Hanoi: UNDP.
- Võ Khánh Vinh. (2024). *Triết học pháp luật: Lịch sử và chức năng phương pháp luận*. Nxb. Công an Nhân dân.
- Weber, M. (1978). *Economy and Society*. University of California Press.